BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: KẾ TOÁN
Khoá học: 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số:901/QĐ-ĐHPĐ-ĐT, ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Kế toán	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Kinh tế - Quản trị kinh doanh	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-kinh-te-quan-tri-kinh-doanh	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7340301	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Kế toán tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ)	

Thời gian và hình thức đào tạo

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Cử nhân Kế toán	3.5 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế

Ngôn ngữ giảng dạy chính
Tiếng Việt
Ngôn ngữ dùng để đánh giá
Tiếng Việt

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	2	0		2	
2	Phó giáo sư	4	2		6	
3	Tiến sỹ	12	1		13	
4	Thạc sỹ	22		3	25	
5	Cử nhân	0	0	0	0	
	TỔNG SỐ	**40**	**3**	**3**	46	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán Trường Đại học Phương Đông, người học có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất để làm việc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp kiểm toán, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức nghiên cứu và các cơ sở giáo dục. Cụ thể như sau:

Nhóm vị trí việc làm trong lĩnh vực kế toán

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận các vị trí:

- Nhân viên kế toán vốn bằng tiền.
- Nhân viên kế toán bán hàng.
- Nhân viên kế toán mua hàng.
- Nhân viên kế toán công nợ.
- Nhân viên kế toán kho.
- Nhân viên kế toán tiền lương và bảo hiểm.
- Nhân viên kế toán tài sản cố định.
- Nhân viên kế toán chi phí và giá thành.
- Nhân viên kế toán thuế.
- Nhân viên kế toán thanh toán.
- Nhân viên kế toán doanh thu.
- Nhân viên kế toán quản trị.
- Nhân viên kế toán tài chính.
- Nhân viên kế toán tổng hợp.
- Kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Kế toán tại các ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm.

- Kế toán tại doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng, logistics, thương mại điện tử và các tổ chức phi lợi nhuận.

Lộ trình phát triển nghề nghiệp:

Nhân viên kế toán → Kế toán tổng hợp → Phụ trách kế toán → Kế toán trưởng → Giám đốc Tài chính (CFO) → Thành viên Ban điều hành hoặc Ban Giám đốc doanh nghiệp.

Nhóm vị trí việc làm trong lĩnh vực kiểm toán

Người học có thể làm việc tại các doanh nghiệp kiểm toán độc lập, Kiểm toán Nhà nước, bộ phận kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp và các tổ chức tài chính với các vị trí:

- Trợ lý kiểm toán.
- Kiểm toán viên.
- Kiểm toán viên nội bộ.
- Chuyên viên kiểm soát nội bộ.
- Chuyên viên quản lý hệ thống kiểm soát nội bộ.

Lộ trình phát triển nghề nghiệp:

Trợ lý kiểm toán → Kiểm toán viên → Trưởng nhóm kiểm toán → Chủ nhiệm kiểm toán → Quản lý kiểm toán → Giám đốc kiểm toán → Thành viên Ban lãnh đạo doanh nghiệp kiểm toán.

Nhóm vị trí việc làm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư

Người học có thể đảm nhiệm các vị trí:

- Chuyên viên phân tích tài chính.
- Chuyên viên lập và quản lý ngân sách.
- Chuyên viên quản trị chi phí.
- Chuyên viên thẩm định dự án đầu tư.
- Chuyên viên phân tích đầu tư.

Lộ trình phát triển nghề nghiệp:

Chuyên viên tài chính → Chuyên viên cao cấp → Trưởng bộ phận tài chính → Giám đốc tài chính (CFO).

Nhóm vị trí việc làm trong lĩnh vực thuế và tư vấn

Người học có thể làm việc tại doanh nghiệp, công ty tư vấn hoặc cơ quan quản lý với các vị trí:

- Nhân viên kê khai thuế.
- Chuyên viên tư vấn thuế.
- Chuyên viên tư vấn kế toán.
- Chuyên viên tư vấn tài chính.
- Chuyên viên dịch vụ kế toán.
- Chuyên viên dịch vụ kế toán thuê ngoài (Accounting Outsourcing).

Lộ trình phát triển nghề nghiệp:

Nhân viên tư vấn → Chuyên viên → Trưởng nhóm tư vấn → Quản lý tư vấn → Giám đốc dịch vụ tư vấn.

Nhóm vị trí việc làm trong cơ quan Nhà nước

Người học có thể làm việc tại:

- Bộ Tài chính.
- Kho bạc Nhà nước.
- Cơ quan Thuế.
- Cơ quan Hải quan.
- Kiểm toán Nhà nước.
- Thanh tra tài chính.
- Sở Tài chính.
- Các đơn vị hành chính sự nghiệp.

Các vị trí gồm:

- Chuyên viên kế toán.
- Chuyên viên tài chính.
- Chuyên viên ngân sách.
- Chuyên viên quản lý thuế.
- Chuyên viên thanh tra, kiểm tra tài chính.
- Chuyên viên kiểm soát chi.
- Chuyên viên hoạch định chính sách tài chính, kế toán và kiểm toán.

Nhóm vị trí việc làm trong lĩnh vực ngân hàng và tổ chức tài chính

Người học có thể đảm nhận các vị trí:

- Giao dịch viên.
- Chuyên viên kế toán ngân hàng.
- Chuyên viên tín dụng.
- Chuyên viên phân tích tài chính.
- Chuyên viên thanh toán.

Nhóm vị trí việc làm nghiên cứu, đào tạo

Người học có thể làm việc tại:

- Trường đại học.
- Trường cao đẳng.
- Trường trung cấp.
- Trung tâm đào tạo.
- Viện nghiên cứu.
- Tổ chức nghiên cứu khoa học.

Các vị trí:

- Giáo viên.
- Giảng viên.
- Nghiên cứu viên.
- Chuyên viên đào tạo.
- Chuyên viên phát triển chương trình đào tạo.

Lộ trình phát triển nghề nghiệp:

Trợ giảng → Giảng viên → Giảng viên chính → Phó Giáo sư → Giáo sư (khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định).

Nhóm vị trí việc làm tự khởi nghiệp

Người học có khả năng:

- Thành lập doanh nghiệp dịch vụ kế toán.
- Thành lập doanh nghiệp tư vấn thuế.
- Thành lập doanh nghiệp tư vấn tài chính.
- Thành lập doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán số.
- Thành lập doanh nghiệp tư vấn chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính – kế toán.
- Cung cấp dịch vụ kế toán, thuế và tài chính theo hình thức độc lập sau khi đáp ứng các điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Tích hợp hài hòa giữa hệ giá trị phương Đông và phương pháp khoa học phương Tây (East Values - West Methods), nhằm nuôi dưỡng những con người có tinh thần nhân văn, tư duy độc lập, năng lực học tập suốt đời, khả năng thích ứng và ý thức trách nhiệm xã hội. - ***Giá trị phương Đông*** được xem là nền tảng hình thành nhân cách người học, bao gồm tinh thần nhân văn, đạo đức, sự tôn trọng tri thức, ý thức cộng đồng và sự bền bỉ trong học tập. Đây là yếu tố tạo nên chiều sâu văn hóa và bản sắc của Nhà trường. - ***Phương pháp khoa học phương Tây*** là cách tiếp cận giáo dục hiện đại mà Nhà trường vận dụng, bao gồm tư duy phản biện, học tập qua trải nghiệm, tiếp cận liên ngành, phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và môi trường học thuật cởi mở. Sự kết hợp giữa hai yếu tố này nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo những con người phát triển toàn diện, vừa có nền tảng đạo đức vững chắc, vừa có năng lực tư duy và sáng tạo, có khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và đóng góp tích cực cho xã hội.
4b. Mục tiêu của CTĐT
Chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Phương Đông đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có kiến thức nền tảng vững chắc về kinh tế, quản trị, pháp luật và kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế, phân tích tài chính; có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và công nghệ số để giải quyết hiệu quả các vấn đề trong thực tiễn. Chương trình được thiết kế theo định hướng ứng dụng, gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; chú trọng phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin, phần mềm kế toán và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính. Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Phương Đông; đáp ứng quy định của Luật Giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và yêu cầu của các bên liên quan, góp phần đào tạo nguồn nhân lực kế toán có chất lượng cao phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:	
PLO 1	Vận dụng hệ thống kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội, pháp luật, ngoại ngữ, toán và thống kê cùng các phương pháp nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cơ bản để tiếp thu, phân tích các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.
PLO 2	Vận dụng hiệu quả các kiến thức về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, kiểm toán, hệ thống thông tin kế toán, pháp luật kinh tế và tài chính để thực hiện đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp và các loại hình tổ chức.
PLO 3	Đánh giá chuyên sâu thông tin kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ nhằm phục vụ công tác quản trị tài chính.
Kỹ năng:	
PLO 4	Sử dụng hiệu quả tiếng Anh và các nền tảng công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách hiệu quả, an toàn để triển khai tốt các hoạt động theo quy định.
PLO 5	Triển khai các ý tưởng đổi mới, sáng tạo trong lĩnh vực kế toán trên cơ sở vận dụng linh hoạt các kỹ năng mềm trong giao tiếp, tư duy phản biện, thuyết trình, đàm phán và làm việc nhóm nhằm phát huy năng lực tập thể và năng lực lãnh đạo trong môi trường làm việc hiện đại.
PLO 6	Vận dụng hiệu quả các quy định pháp luật về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính hiện hành để thực hiện tốt các nghiệp vụ chuyên môn theo quy định của pháp luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.
PLO 7	Thực hiện đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính trong doanh nghiệp và các loại hình tổ chức nhằm đề xuất các giải pháp xử lý các tình huống thực tiễn phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp và quy định pháp luật hiện hành.
PLO 8	Tổ chức hoạt động kế toán, kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp và các loại hình tổ chức trên cơ sở vận dụng tư duy đổi mới sáng tạo theo nguyên tắc định hướng khởi nghiệp và quản lý nguồn lực để nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Thể hiện lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, đạo đức và lối sống lành mạnh trên cơ sở nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tinh thần lao động say mê, sáng tạo, lòng yêu nghề; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường.
PLO 10	Chủ động làm việc độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả công việc, có tinh thần học tập suốt đời, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.
4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT	
i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa	

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

+ Trong nước: 1. Học viện tài chính
2. Học viện ngân hàng

+ Nước ngoài: 1. Đại học Assumption University (ABAC) - Thái Lan
2. Đại học Universiti Malaya (UM) - Malaysia

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 132 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ (*)					BB/TC	Điều kiện tiên quyết	Học phần song hành	Học phần học trước
					Tổng	LT	Thực hành	Đồ án	TT				
1	1	POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	45	45				BB			
2	1	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB			
3	1	MAT710008	Toán kinh tế	3	45	45				BB			
4	1	FOS710001	Anh văn 1	3	60	30	30			BB			
5	1	EDS710003	Phương pháp NCKH	2	30	30				BB			
6	1	**SPO760001**	**Giáo dục thể chất**	3						BB			
7	2	POL710002	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	30	30				BB	POL710001		
8	2	BUS710002	Khởi sự kinh doanh	2	30	30				BB			
9	2	FOS710002	Anh văn 2	3	60	30	30			BB	FOS710001		
10	2	ECO720001	Kinh tế vi mô	3	45	45				BB			
11	2	ITE710001	Kỹ năng số	2	60		60			BB			
12	2	MAT710005	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	30	30				BB			MAT710008
13	3	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30				BB	POL710002		
14	3	MAT720001	Kinh tế lượng	2	30	30				BB			MAT710005
15	3	FOS710003	Anh văn 3	3	60	30	30			BB	FOS710002		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ (*)					BB/TC	Điều kiện tiên quyết	Học phần song hành	Học phần học trước
					Tổng	LT	Thực hành	Đồ án	TT				
16	3	BUS720001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2	60		60			BB			ITE710001
17	3	ITE710002	Khám phá AI	2	60		60			BB			
18	3	ECO720002	Kinh tế vĩ mô	2	30	30				BB			ECO720001
19	4	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30				BB	POL710003		
20	4	BUS721003	Quản trị doanh nghiệp	3	45	45				BB			
21	4	FOS710004	Anh văn 4	3	60	30	30			BB	FOS710003		
22	4	ACC721004	Pháp luật và chuẩn mực kế toán	2	30	30				BB			
23	4	ACC721001	Nguyên lý kế toán	4	60	60				BB			
24	5	POL710005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30				BB			POL710004
25	5	FBI721001	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	45				BB			
26	5	FOS710005	Anh văn 5	3	60	30	30			BB	FOS710004		
27	5	ACC731001	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	4	60	60				BB			ACC721001
28	5	**MIL760001**	**Giáo dục quốc phòng & an ninh**	11						BB			
29	6	STA721001	Thống kê kinh doanh	3	45	45				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ (*)					BB/TC	Điều kiện tiên quyết	Học phần song hành	Học phần học trước
					Tổng	LT	Thực hành	Đồ án	TT				
30	6	ACC731002	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	45	45				BB			ACC721001
31	6	ACC731004	Kiểm toán căn bản	2	30	30				BB			
32	6	FBI721002	Tài chính doanh nghiệp	3	45	45				BB			
33	6	ACC731005	Thuế	3	45	45				BB			
34	7	ACC731015	Tổ chức công tác kế toán	2	45	45				BB			ACC731002
35	7	ACC731012	Kiểm toán tài chính 1	3	60	60				BB			ACC731004
36	7	***ACC731018***	***Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội***	2	45	15	30			TC			
37	7	ACC731003	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	45	45				BB			ACC721001
38	7	ACC731006	Kế toán quản trị	3	45	45				BB			
39	7	ACC731022	Kế toán hộ kinh doanh cá thể	2	30	30				BB			
40	7	FBI731002	Tài chính quốc tế	2	30	30				TC			
41	8	ACC731013	Kiểm toán tài chính 2	3	45	45				BB			ACC731004
42	8	ACC731009	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2	30	30				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ (*)					BB/TC	Điều kiện tiên quyết	Học phần song hành	Học phần học trước
					Tổng	LT	Thực hành	Đồ án	TT				
43	8	ACC731008	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	45				BB			
44	8	ACC731010	Nghiệp vụ thuế doanh nghiệp	3	60	30	30			BB			
45	8	ACC731016	Kiến tập ngành	3	45	45				BB			ACC731015
46	9	FBI731006	Thẩm định tài chính dự án	3	60	30	30			BB			
47	9	***ACC731017***	***Phân tích báo cáo tài chính***	2	30	30				TC			ACC731002
48	9	ACC731007	Kế toán đơn vị HCSN	3	45	45				BB			ACC721001
49	9	ACC731011	Thực hành kế toán trên máy	2	60		60			BB			ACC731002
50	9	ACC731014	Kiểm soát nội bộ	3	45	45				BB			
51	9	FBI721005	Thị trường chứng khoán	2	30	30				TC			
52	10	ACC751001	Khoá luận tốt nghiệp	10	450				450	BB			Theo quy định
53	10	ACC751002	Chuyên đề tốt nghiệp	4	180				180	BB			Theo quy định
54	10	ACC751003	Kế toán công ty	3	45	45				BB			Theo quy định

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ (*)					BB/TC	Điều kiện tiên quyết	Học phần song hành	Học phần học trước
					Tổng	LT	Thực hành	Đồ án	TT				
55	10	FBI731012	Kế toán ngân hàng thương mại	3	45	45				BB			Theo quy định

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1	Triết học Mác - Lê nin	3	Triết học Mác – Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc thuộc hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua đó, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực vận dụng các kiến thức triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức, cũng như thực tiễn học tập.
2	Kinh tế chính trị - mác Lê nin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp người học nắm vững, giải thích được những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm vấn đề: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình xây dựng xã hội XHCN (dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH). Kiến thức của học phần là cơ sở để người học nhận diện, vận dụng kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học và lý giải một

			số vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức công dân và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để người học tiếp cận về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; liên hệ các nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và con người. Kiến thức của học phần góp phần hình thành tư duy độc lập, năng lực liên hệ và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, đất nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng; vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải các chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ. Nội dung học phần tập trung vào quá trình thành lập Đảng; sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến và kiến quốc; xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng, học phần

			giúp người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề lịch sử – chính trị và vận dụng những bài học lịch sử vào nhận thức các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.
6	Pháp luật đại cương	2	Học phần Pháp luật đại cương nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật Việt Nam và các ngành luật cơ bản; vận dụng các quy định pháp luật để phân tích, giải quyết những tình huống pháp lý đơn giản trong học tập, công việc và đời sống; hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân; đồng thời phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tự học và làm việc độc lập, đáp ứng yêu cầu học tập và nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số
7	Toán kinh tế	3	Toán kinh tế là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về đại số tuyến tính, giải tích một biến, giải tích nhiều biến và tối ưu có ràng buộc. Học phần giúp người học giải thích các khái niệm, định lý và phương pháp cơ bản; áp dụng ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, đạo hàm, tích phân, đạo hàm riêng, phương pháp nhân tử Lagrange, bài toán vận tải để giải các bài toán định lượng cơ bản. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng công cụ tính toán và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
8	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	Xác suất và Thống kê ứng dụng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành thuộc khối ngành Kinh tế, Quản trị, Công nghệ thông tin, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về bộ công cụ phân tích dữ liệu thực tiễn và tư duy ra quyết định dựa trên dữ liệu. Học phần giúp người học giải thích được bản chất của công thức Bayes, các đại lượng đặc trưng của các phân phối xác suất và logic của suy diễn thống kê. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng phần mềm Excel và mô

			hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Học phần giúp sinh viên phân tích các khái niệm, đặc trưng, quy trình và thiết kế nghiên cứu khoa học; giải thích căn cứ lựa chọn phương pháp định tính, định lượng hoặc hỗn hợp phù hợp với vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Sinh viên được hướng dẫn xây dựng một đề cương nghiên cứu khả thi, sử dụng công cụ số và trí tuệ nhân tạo ở mức cơ bản để tìm kiếm, quản lý tài liệu, xử lý dữ liệu và trình bày kết quả. Học phần đồng thời phát triển tư duy phản biện, năng lực tự học, phối hợp nhóm và trách nhiệm học thuật; yêu cầu người học tuân thủ đạo đức nghiên cứu, bảo mật dữ liệu, trích dẫn nguồn, liêm chính học thuật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng dữ liệu, phần mềm và trí tuệ nhân tạo.
10	Anh Văn 1	3	Anh văn 1 (AV1) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A1 theo CEFR (tương đương IELTS 3.0). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi được thông tin cơ bản về bản thân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống, học tập; đồng thời bước đầu hình thành kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở trình độ A1; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại ngắn về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết trình bày thông tin cá nhân; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV2 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
11	Anh Văn 2	3	Anh văn 2 (AV2) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, tiếp nối AV1, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A2 theo CEFR (tương đương

			IELTS 3.5). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi mạch lạc hơn về các chủ đề quen thuộc liên quan đến trải nghiệm, môi trường và lịch sử; tiếp tục rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết mô tả, kể chuyện và trình bày quan điểm đơn giản; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV3 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
12	Anh Văn 3	3	Anh văn 3 (AV3) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ A2+ theo CEFR (tương đương IELTS 4.0). Học phần giúp người học trình bày, so sánh – đối chiếu và lý giải nguyên nhân – kết quả về các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày; phát triển kỹ năng diễn đạt quan điểm cá nhân bằng cấu trúc rõ ràng hơn. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2+; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại có độ dài và độ phức tạp tăng dần; kỹ năng nói – viết diễn đạt vấn đề – giải pháp, so sánh – đối chiếu; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV4 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
13	Anh Văn 4	3	Anh văn 4 (AV4) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh đạt trình độ B1 theo CEFR (tương đương IELTS 4.5). Học phần giúp người học phân tích, tóm tắt và trình bày lập luận về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và học tập; phát triển kỹ năng phân tích ưu – nhược điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1; kỹ năng nghe – đọc hiểu, tóm tắt nội dung chính và chi tiết của văn bản, hội thoại; kỹ năng nói – viết trình bày bài phát biểu và bài luận phân tích ưu – nhược điểm; và

			các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV5 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
14	Anh Văn 5	3	Anh văn 5 (AV5) là học phần cuối thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ B1+ theo CEFR (tương đương IELTS 5.0). Học phần giúp người học phân tích các mối quan hệ logic, quan điểm và luận điểm trong văn bản, hội thoại; đồng thời trình bày bài nói, viết báo cáo và bài luận có cấu trúc rõ ràng. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1+; kỹ năng nghe – đọc hiểu, phân tích văn bản, hội thoại có cấu trúc phức tạp; kỹ năng nói – viết trình bày, xử lý tình huống và viết báo cáo, bài luận; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh của chương trình, phục vụ học tập chuyên ngành và tham gia các kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
15	Kỹ năng số	2	Môn học này bao gồm 6 Moduls Moduls 1: Khai thác dữ liệu và thông tin Hướng dẫn sinh viên kỹ năng duyệt, tìm kiếm và trích xuất dữ liệu, hướng dẫn sinh viên thiết lập quy trình sao lưu, áp dụng các phương pháp bảo mật dữ liệu và chia sẻ dữ liệu an toàn. Moduls 2: Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số Hướng dẫn sinh viên các hợp tác và làm việc trong môi trường số. Hiểu và áp dụng các nguyên tắc ứng xử trên mạng, quản lý danh tính số và sử dụng các dịch vụ công một cách hiệu quả. Moduls 3: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh:

			Giới thiệu các khái niệm cơ bản về AI, hướng dẫn sinh viên thực hiện viết Prompt và sử dụng các công cụ AI tạo sinh để xây dựng các sản phẩm số. Đánh giá và nhận dạng các vấn đề về quyền riêng tư, đạo đức và bản quyền khi sử dụng các công cụ AI. Module 4: sáng tao nội dung sô. Hướng dan sinh viên cách xác định mục tiêu của nội dung số và lập kế hoạch xây dựng nội dung số. Áp dụng các công cụ để viết nội dung, kịch bản và thiết kế, xây dựng các sản phẩm s6. Trong quá trình xây dựng sản phẩm số, sinh viên xác định được các thành phần có bản quyền và áp dụng các giấy phép bản quyền phù hợp. Module 5: giải quyết van dé. Hướng dẫn sinh viên cách xác định các lỗi về phần cứng. phần mềm: khả năng tự tìm hiểu và chọn lựa nền tảng học tập, tìm kiếm tài liệu trực tuyến. Hướng dẫn cách sử dụng các công cụ số để phân tích dữ liệu, mô hình hóa định lượng cũng như trình bày nội dung học thuật một cách chuyên nghiệp. Module 6: an toàn trên môi trường số. Hướng dẫn cho sinh viên các nguy cơ khi sử dụng mạng Internet, các loại hình tấn công dữ liệu cá nhân và các biện pháp bảo vệ. Hướng dẫn cách bảo vệ sức khỏe khi sử dụng các thiết bị điện tử cũng như bảo vệ môi trường khỏi tác động của công nghệ SỐ.
16	Khám phá AI	2	Môn học bao gồm 6 chương Chương 1: tổng quan về trí tuệ nhân tạo. Giới thiệu các khái niệm cơ bản về AI, cơ chế hoạt động và sự phát triển của AI trong bối cảnh chuyển đổi số. Hướng dẫn sinh viên nhận diện khả năng, giới hạn và tác động của AI đối với học tập, nghề nghiệp và xã hội. Chương 2: năng lực hiểu biết AI. Hướng dẫn sinh viên hình thành năng lực hiểu, đánh giá và kiểm chứng đầu ra của AI. Nhận diện các rủi ro liên quan đến độ tin cậy, bảo mật dữ liệu, đạo đức, bản quyền và trách nhiệm khi sử dụng AI trong học tập và công việc. Chương 3: kỹ thuật Prompting: giao tiếp, kiểm soát và cộng tác với AI. Hướng dẫn sinh viên xây dựng prompt hiệu quả và cải thiện kết quả đầu ra thông qua quá trình tương tác

			với AI. Áp dụng các kỹ thuật prompting để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và giải quyết các công việc thực tế. Chương 4: từ Transformer đến AI tạo sinh văn bản. Giới thiệu nguyên lý tạo sinh văn bản của các mô hình ngôn ngữ hiện đại. Hướng dẫn sinh viên sử dụng AI tạo sinh để xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung phục vụ học tập và công việc. Trong quá trình sử dụng AI, sinh viên đánh giá độ tin cậy của thông tin và thực hiện các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm. Chương 5: từ AI Code Assistant đến công cụ No-Code / Low-Code. Hướng dẫn sinh viên sử dụng AI như một trợ lý hỗ trợ lập trình và phát triển sản phẩm số. Áp dụng AI để xây dựng các ứng dụng đơn giản, đồng thời đánh giá và kiểm soát chất lượng kết quả do AI tạo ra trong quá trình cộng tác với AI. Chương 6: từ Diffusion đến AI tạo sinh hình ảnh và video. Giới thiệu nguyên lý tạo sinh hình ảnh bằng AI và các ứng dụng trong thực tiễn. Hướng dẫn sinh viên sử dụng AI để xây dựng các sản phẩm hình ảnh phục vụ học tập và công việc. Trong quá trình sáng tạo, sinh viên nhận diện các vấn đề về độ tin cậy, bản quyền và trách nhiệm khi sử dụng nội dung do AI tạo ra.
17	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng công cụ tin học văn phòng, trọng tâm là Microsoft Excel, để xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu phục vụ hoạt động kinh doanh. Nội dung bao gồm: các kiểu dữ liệu và kỹ thuật tổ chức, quản lý bảng dữ liệu; các hàm tra cứu, hàm và công cụ tổng hợp dữ liệu, hàm cơ sở dữ liệu và một số hàm tài chính thông dụng; ứng dụng Power BI để tự động hóa phân tích và xây dựng báo cáo trực quan. Sinh viên vận dụng các công cụ này vào giải quyết các bài toán nghiệp vụ kinh doanh cơ bản ở quy mô nhỏ như quản lý bán hàng, quản lý khách hàng, quản lý chấm công, tính lương, lập báo cáo doanh thu, chi phí, ... Qua đó, học phần hình thành năng lực làm việc độc lập và theo nhóm, tác phong nghề nghiệp trong xử lý dữ liệu.

18	Khởi sự kinh doanh	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khởi sự kinh doanh, từ nhận diện cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng khởi nghiệp đến xây dựng mô hình và kế hoạch kinh doanh. Nội dung học phần tập trung vào các phương pháp phát triển ý tưởng sáng tạo, nghiên cứu thị trường, thiết kế mô hình kinh doanh, huy động nguồn lực và quản trị rủi ro trong giai đoạn khởi nghiệp. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình và bảo vệ dự án khởi nghiệp. Học phần góp phần hình thành tư duy doanh nhân, tinh thần đổi mới sáng tạo và năng lực phát triển các dự án kinh doanh trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.
19	Kinh tế vi mô	3	Học phần Kinh tế vi mô giới thiệu các nội dung cơ bản về cung, cầu và cơ chế hình thành giá cả trên thị trường; lý thuyết hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; lý thuyết sản xuất và chi phí; cấu trúc thị trường và các mô hình cạnh tranh, độc quyền; thị trường các yếu tố sản xuất; thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, học phần đề cập đến việc phân tích các tình huống kinh tế và các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của doanh nghiệp và thị trường.
20	Kinh tế vĩ mô	2	Kinh tế vĩ mô là học phần nghiên cứu tổng thể nền kinh tế thông qua các biến số cơ bản như sản lượng, thu nhập, đầu tư, tiền tệ, lãi suất, lạm phát, thất nghiệp, thuế và chi tiêu của chính phủ, xuất nhập khẩu và cán cân thương mại,... Mối quan hệ của các biến số này được mô tả thông qua các mô hình kinh tế vĩ mô như mô hình tổng cung - tổng cầu (AS-AD), mô hình IS-LM trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có đủ kiến thức để nắm được các thức vận hành của nền kinh tế, các biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn và cách thức chính phủ sử dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
21	Thống kê kinh doanh	3	Học phần Thống kê kinh doanh trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp điều tra thu thập thông tin thực tế về mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, phân tổ tổng hợp dữ liệu điều tra, tính toán các chỉ tiêu phân tích và phân tích thực trạng tình hình phát

			triển kinh doanh sản xuất - dịch vụ và KTXH hiện tại và dự báo phát triển trong tương lai. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức về thống kê kết quả sản xuất sản phẩm xã hội và thống kê doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên sẽ vận dụng khả năng ứng dụng các phương pháp phân tích thống kê vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong các lĩnh vực, biết cách lên phương án và triển khai điều tra thống kê theo yêu cầu.
22	Kinh tế lượng	3	Kinh tế lượng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành thuộc khối ngành Kinh tế, Quản trị, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về tư duy mô hình kinh tế lượng và xử lý dữ liệu. Học phần giúp người học giải thích được mối quan hệ giữa các biến trong mô hình Kinh tế lượng, ý nghĩa của các hệ số của các mô hình hồi quy đơn, mô hình hồi quy bội, chẩn đoán và sửa lỗi mô hình, quy tắc đọc số liệu dựa trên kết qủa chạy phần mềm và kỹ thuật đưa biến định tính vào thực tế. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường thực hành, sử dụng phần mềm, AI và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
23	Quản trị doanh nghiệp	3	Học phần Quản trị doanh nghiệp được cấu trúc khoa học theo ba cấp độ tịnh tiến nhằm phát triển toàn diện năng lực người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được chuẩn hóa nền tảng lý thuyết về tổng quan doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, quy trình vận hành và các chức năng quản trị cốt lõi: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Ở cấp độ nâng cao, nội dung học phần đi sâu vào năng lực điều hành thực chiến thông qua việc vận dụng kỹ năng của doanh nhân, tối ưu hóa chuỗi giá trị, quản trị tài chính, nhân sự, công nghệ và xử lý khủng hoảng trong môi trường kinh doanh biến động. Ở cấp độ mở rộng, môn học tạo không gian cho sinh viên bứt phá năng lực riêng biệt bằng cách tiếp cận các mô hình quản trị hiện đại, tư duy đổi mới sáng tạo, quản trị tri thức và trách nhiệm xã hội

			trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đây là bệ phóng giúp người học định hình phong cách lãnh đạo độc lập và làm chủ các quyết định quản lý phức tạp.
24	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về tài chính, tiền tệ, tín dụng và hệ thống tài chính; bản chất, chức năng của tài chính và tiền tệ; thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, ngân hàng thương mại, lãi suất và các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất. Học phần giúp sinh viên vận dụng các lý thuyết tài chính - tiền tệ để phân tích cơ chế cung - cầu tiền tệ, quá trình tạo tiền của hệ thống ngân hàng, vai trò của Ngân hàng Trung ương và tác động của chính sách tiền tệ đến lạm phát, tăng trưởng kinh tế, lãi suất, tỷ giá và sự ổn định của hệ thống tài chính. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) để thu thập, xử lý, phân tích và dự báo các chỉ tiêu tài chính - tiền tệ, góp phần nâng cao năng lực phân tích, hỗ trợ ra quyết định và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và kế toán.
25	Nguyên lý kế toán	4	Học phần Nguyên lý kế toán được cấu trúc khoa học theo ba cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành toàn diện kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết nền tảng về kế toán bao gồm bản chất, chức năng, vai trò của hạch toán kế toán, các nguyên tắc kế toán cơ bản và phân loại đối tượng kế toán trong doanh nghiệp. Sinh viên được làm quen với hệ thống phương pháp kế toán (chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối). Ở cấp độ này, sinh viên bắt đầu chuyển đổi từ ghi chép thủ công sang việc số hóa quy trình: sử dụng công nghệ thông tin cơ bản để tra cứu hệ thống tài khoản số, ứng dụng phần mềm bảng tính (Google Sheets/Excel) để thực hành thiết lập chứng từ điện tử, phân loại và kết chuyển tài khoản tự động, thay vì lập sổ sách hoàn toàn bằng tay.

			Ở cấp độ nâng cao, sinh viên vận dụng thành thạo hệ thống phương pháp kế toán vào chu trình hoạt động của một doanh nghiệp sản xuất thực tế, từ khâu cung cấp, sản xuất đến tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Nội dung đi sâu vào kỹ thuật luân chuyển chứng từ, khóa sổ và lập các Báo cáo cơ bản (Bảng cân đối tài khoản, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh). Sinh viên biết khai thác trí tuệ nhân tạo (AI) như ChatGPT/Gemini làm "trợ lý học tập" để giải thích các tình huống đối ứng tài khoản phức tạp, hỗ trợ kiểm tra tính chính xác của bút toán và tối ưu cấu trúc bài thuyết trình, thảo luận nhóm. Ở cấp độ mở rộng, học phần giúp sinh viên mở rộng năng lực tư duy phản biện và khả năng thích ứng trong kỷ nguyên số. Sinh viên không chỉ dừng lại ở việc lập báo cáo mà bước đầu biết cách đọc hiểu, phân tích dữ liệu tài chính từ báo cáo thực tế của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường. Sinh viên được hướng dẫn sử dụng các công cụ AI để nhận diện tự động xu hướng biến động tăng/giảm của các đối tượng kế toán, phát hiện các rủi ro hoặc sai sót trong sổ sách và dự báo kết quả kinh doanh.
26	Pháp luật và chuẩn mực kế toán	2	Học phần Pháp luật và Chuẩn mực kế toán trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán và các quy định liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên vận dụng các quy định pháp luật về chứng từ kế toán, tài khoản và sổ kế toán, báo cáo tài chính, kiểm kê tài sản, lưu trữ tài liệu kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, quyền và trách nhiệm của người làm kế toán, kế toán trưởng cũng như các quy định về kinh doanh dịch vụ kế toán và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kế toán. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng phân tích, giải quyết các tình huống pháp lý trong công tác kế toán; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) để tra cứu, cập nhật văn bản pháp luật, chuẩn mực kế toán và hỗ trợ xử lý các tình huống nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.

27	Tài chính doanh nghiệp	3	Học phần Tài chính doanh nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo Tài chính - Ngân hàng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về quản trị tài chính trong doanh nghiệp, bao gồm mục tiêu của quản trị tài chính, giá trị thời gian của tiền, rủi ro và tỷ suất sinh lời, cùng phương pháp định giá các tài sản tài chính. Nội dung học phần tập trung đi sâu vào cơ chế ra quyết định tài chính, bao gồm: quyết định đầu tư dài hạn (ngân sách vốn), quyết định nguồn vốn (chi phí sử dụng vốn, cơ cấu vốn), chính sách cổ tức và quyết định tài chính ngắn hạn (quản trị vốn lưu động). Bên cạnh đó, học phần giúp người học phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư và xử lý các vấn đề tài chính cơ bản; vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản trị tài chính và giải quyết các tình huống huy động - sử dụng vốn thực tế. Học phần hỗ trợ người học thích ứng với các vị trí công việc trong lĩnh vực tài chính - kế toán - đầu tư, đồng thời lồng ghép các nội dung về tài chính bền vững (ESG), ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu tài chính, cùng xu hướng quản trị tài chính doanh nghiệp trong kỷ nguyên số.
28	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	4	Học phần Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 được cấu trúc khoa học theo ba cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành toàn diện kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được trang bị nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất và thương mại, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và quy trình xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất. Ở cấp độ nâng cao, nội dung học phần tập trung phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp thông qua việc vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các phần hành chủ yếu như kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản; kế toán chi phí nhân công; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản

			phẩm. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện khả năng lập các bảng kê, bảng phân bổ, thẻ tính giá thành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định trong doanh nghiệp. Ở cấp độ mở rộng, học phần tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận xu hướng phát triển của nghề kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số thông qua việc ứng dụng công nghệ AI trong xử lý nghiệp vụ, kiểm soát thông tin và nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Đây là nền tảng giúp người học tự tin đảm nhận các vị trí kế toán chuyên môn, kiểm soát nội bộ, kế toán quản trị hoặc tiếp tục phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.
29	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và các nguyên tắc, phương pháp kế toán áp dụng trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Học phần giúp sinh viên vận dụng các phương pháp kế toán để thực hiện quy trình kế toán từ thu thập, kiểm tra chứng từ, ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hạch toán các phần hành chủ yếu như vốn bằng tiền, các khoản phải thu, doanh thu, chi phí, nguồn vốn và xác định kết quả kinh doanh; lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính phục vụ công tác quản trị và ra quyết định. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm kế toán, hệ thống thông tin kế toán, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý nghiệp vụ, phân tích dữ liệu, kiểm soát thông tin và lập báo cáo tài chính; phát triển tư duy phân tích, tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.
30	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	Học phần Kế toán tài chính doanh nghiệp 3 được cấu trúc theo ba cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành toàn diện kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người học trong các lĩnh vực kinh doanh đặc thù (Thương mại - Dịch vụ, XNK và Xây dựng xây lắp).

			Ở cấp độ kiến thức cơ bản: Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết về tổ chức công tác kế toán, hạch toán mua bán hàng hóa nội thương và quy trình luân chuyển chứng từ trong doanh nghiệp đặc thù. Sinh viên được làm quen với các phương pháp kế toán (chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối) áp dụng riêng cho hàng tồn kho và các sắc thuế nội địa. Ở cấp độ này, sinh viên bắt đầu chuyển đổi từ ghi chép thủ công sang việc số hóa quy trình: sử dụng công nghệ thông tin để tra cứu nhanh hệ thống tài khoản số đặc thù, ứng dụng phần mềm bảng tính (Google Sheets/Excel) để thực hành thiết lập chứng từ điện tử, phân loại danh mục hàng hóa tại kho/quầy, và thiết lập bảng trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tự động thay vì lập bằng tay. Ở cấp độ nâng cao: Sinh viên vận dụng hệ thống phương pháp kế toán vào chu trình hoạt động của các doanh nghiệp thực tế, từ khâu tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ đặc thù; hạch toán kế toán hoạt động xuất, nhập khẩu trực tiếp; đến hạch toán chi phí sản xuất và giá thành xây lắp, hợp đồng xây dựng thầu dài hạn và quyết toán dự án đầu tư XDCB hoàn thành. Sinh viên biết khai thác trí tuệ nhân tạo (AI) như ChatGPT/Gemini/NotebookLM làm "trợ lý học tập" để giải thích các tình huống đối ứng tài khoản phức tạp, kiểm tra tính chính xác của các bút toán chênh lệch tỷ giá hối đoái, hỗ trợ lập các công thức phân bổ chi phí và bài thảo luận nhóm. Ở cấp độ mở rộng: Học phần giúp sinh viên mở rộng năng lực tư duy phản biện và khả năng thích ứng trong kỷ nguyên số. Sinh viên không chỉ dừng lại ở việc lập báo cáo mà bước đầu đọc hiểu báo cáo thực tế của các doanh nghiệp đa ngành, từ thương mại dịch vụ đến xây lắp. Sinh viên được hướng dẫn sử dụng các công cụ AI để nhận diện tự động xu hướng biến động tăng/giảm của các khoản mục, phát hiện các rủi ro ghi nhận sai lệch doanh thu hợp đồng xây dựng hoặc sai sót trong nghĩa vụ thuế xuất nhập khẩu, và đưa ra các dự báo tài chính ngắn hạn dựa trên biến động của giá cả nguyên vật liệu thị trường thực tế.

31	Kiểm toán căn bản	2	Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về bản chất, chức năng, vai trò, quy trình và phương pháp kiểm toán; các khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật thu thập, đánh giá bằng chứng kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán. Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá rủi ro và xử lý các tình huống kiểm toán cơ bản, đồng thời bước đầu vận dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ tìm kiếm thông tin, phân tích dữ liệu và nâng cao hiệu quả học tập. Bên cạnh đó, học phần góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của kiểm toán trong việc đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và cung cấp thông tin phục vụ phát triển bền vững theo định hướng kế toán xanh.
32	Thuế	3	Học phần Thuế trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về hệ thống pháp luật thuế, chính sách thuế và quản lý thuế tại Việt Nam; các nguyên tắc áp dụng pháp luật thuế, quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế, cùng những quy định liên quan đến quản lý và thực hiện nghĩa vụ thuế. Học phần giúp sinh viên vận dụng các quy định pháp luật để xác định đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế, kê khai, nộp, miễn, giảm, hoàn và quyết toán thuế đối với các sắc thuế chủ yếu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân; đồng thời phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống thuế phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống khai thuế điện tử, hóa đơn điện tử, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) để tra cứu văn bản pháp luật, hỗ trợ tính thuế, phân tích chính sách, xử lý dữ liệu và nâng cao hiệu quả thực hiện nghiệp vụ thuế, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập trong lĩnh vực kế toán, thuế và tài chính.
33	Kế toán quản trị	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị, bao gồm tổ chức công tác kế toán quản trị, phân loại và xác định chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận (C-V-P), lập dự toán sản xuất kinh doanh, định giá bán sản

			phẩm và sử dụng thông tin kế toán quản trị để hỗ trợ ra quyết định kinh doanh. Nội dung học phần được cập nhật theo **Thông tư 99/2025/TT-BTC** và định hướng chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Đồng thời, sinh viên được hướng dẫn khai thác các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ tìm kiếm, phân tích thông tin, lập dự toán, xử lý dữ liệu và trình bày báo cáo kế toán quản trị một cách hiệu quả, có trách nhiệm.
34	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	3	Học phần Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán, cơ chế tài chính và chế độ kế toán áp dụng trong các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành. Học phần giúp sinh viên vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các phần hành chủ yếu như vốn bằng tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định, nguồn kinh phí, các khoản thu, chi, thanh toán; lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống nghiệp vụ, ứng dụng phần mềm kế toán, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong tra cứu văn bản, xử lý dữ liệu và lập báo cáo, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và thực tiễn công tác kế toán tại khu vực công.
35	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, bao gồm các phương pháp, kỹ thuật và quy trình phân tích các chỉ tiêu phản ánh kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích và trình bày thông tin; vận dụng các công cụ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và phần mềm hỗ trợ để phân tích dữ liệu, đánh giá tình hình hoạt động, xác định nguyên nhân biến động và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần hỗ trợ quá trình ra quyết định quản trị.
36	Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế	2	Học phần Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), Khung khái niệm lập và trình bày báo cáo tài chính, các chuẩn mực trọng tâm (IAS 1, IAS 2, IAS 16, IFRS 15) và lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam. Học phần giúp sinh viên vận dụng các nguyên tắc ghi nhận, đo

			lường, trình bày và công bố thông tin để xử lý các tình huống thực tiễn, so sánh IFRS với Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), đồng thời ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các nguồn dữ liệu chính thống để tra cứu, phân tích, cập nhật chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán.
37	Thực hành kế toán trên máy	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao về thực hành kế toán trên máy, hoàn chỉnh hệ thống kiến thức về kế toán tài chính, định hướng cho người học về sự vận dụng kết hợp các quy định pháp luật hiện hành với các nguyên tắc và thủ tục kế toán liên quan đến việc xử lý , giúp sinh viên củng cố và hoàn thiện những kiến thức về pháp luật cũng như về kế toán trước khi tiếp xúc với thực tế, nâng cao khả năng thích nghi với thực tế, nâng cao khả năng của sinh viên trong việc tự tổ chức và vận hành hệ thống kế toán đối với mọi tình huống. Trong bối cảnh chuyển đổi số, môn học còn tích hợp xu hướng phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tối ưu hóa công việc cho kế toán viên, biết cách khai thác và xử lý thông tin kinh tế của doanh nghiệp để gia tăng lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.
38	Kiểm toán tài chính 1	3	Học phần Kiểm toán tài chính 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về kiểm toán báo cáo tài chính, bao gồm vai trò của kiểm toán độc lập, hệ thống chuẩn mực kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp, mục tiêu, nguyên tắc, quy trình kiểm toán và hệ thống hồ sơ, tài liệu, bằng chứng kiểm toán theo quy định hiện hành. Học phần giúp sinh viên vận dụng các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán để lập kế hoạch kiểm toán, đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu, tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, xác định mức trọng yếu, thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán, thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán, tổng hợp kết quả và lập báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm kiểm toán, công cụ phân tích dữ liệu, hệ thống thông tin kế toán và trí tuệ nhân tạo (AI) trong thực hiện kiểm toán, hỗ trợ đánh giá rủi ro, lựa chọn mẫu, xử lý dữ liệu và nâng cao hiệu

			quả nghề nghiệp. Học phần cũng góp phần phát triển tư duy phân tích, tư duy phản biện, xét đoán nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và khả năng thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, tạo nền tảng cho học phần Kiểm toán tài chính 2 và các học phần chuyên ngành tiếp theo, đồng thời đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.
39	Kiểm toán tài chính 2	3	Học phần Kiểm toán tài chính 2 là học phần tiếp nối Kiểm toán tài chính 1, trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính đối với các chu trình và khoản mục trọng yếu như chu trình sản xuất, hàng tồn kho, huy động và hoàn trả vốn, cùng các nội dung liên quan theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Học phần giúp sinh viên vận dụng các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán để đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu, tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, xác định mức trọng yếu, thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán, thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán, tổng hợp kết quả và hình thành ý kiến kiểm toán. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, phần mềm kiểm toán, công cụ phân tích dữ liệu, hệ thống thông tin kế toán và trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ đánh giá rủi ro, lựa chọn mẫu, thực hiện thủ tục kiểm toán và lập hồ sơ kiểm toán. Học phần còn góp phần phát triển tư duy phân tích, tư duy phản biện, xét đoán nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và khả năng thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, tạo nền tảng để đảm nhận các vị trí trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên, kiểm toán nội bộ và các vị trí chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.
40	Kiểm soát nội bộ	4	Học phần trang bị những kiến thức tổng quan về kiểm soát nội bộ, về gian lận và các biện pháp phòng ngừa gian lận, sai sót. Đồng thời học phần cung cấp kiến thức về khuôn mẫu xây dựng kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO (1992). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cụ thể để xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ theo các chu trình và

			khoản mục cụ thể như chu trình bán hàng và thu tiền, chu trình mua hàng và thanh toán, chu trình tiền lương, kiểm soát tiền, tài sản cố định....
41	Tổ chức công tác kế toán	2	Học phần Tổ chức công tác kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức hệ thống kế toán trong doanh nghiệp, bao gồm tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức thu nhận, kiểm tra, hệ thống hóa, xử lý và cung cấp thông tin kế toán phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý của từng loại hình doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong việc thiết kế hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán, quy trình luân chuyển chứng từ, các hình thức kế toán và hệ thống báo cáo kế toán; đồng thời có khả năng đánh giá, hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần chú trọng phát triển kỹ năng phân tích, giải quyết tình huống, làm việc nhóm và ứng dụng phần mềm kế toán, công nghệ số và các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong tổ chức công tác kế toán, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và nâng cao chất lượng quản lý tài chính trong doanh nghiệp.
42	Kiến tập ngành	3	Học phần **Kiến tập ngành** giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã tích lũy trong chương trình đào tạo vào thực hành các quy trình và phần hành kế toán tại doanh nghiệp hoặc trên bộ số liệu thực tế. Thông qua học phần, sinh viên thực hiện các nghiệp vụ kế toán từ thu thập, kiểm tra chứng từ, ghi nhận và xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh đến hạch toán, tổng hợp số liệu và lập báo cáo kế toán, qua đó củng cố kiến thức chuyên môn và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Sinh viên có khả năng thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo đúng quy trình, phân tích và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tế, đồng thời đánh giá công tác kế toán tại đơn vị và đề xuất các giải pháp phù hợp. Học phần cũng rèn luyện kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán, công nghệ AI trong thực hành nghề nghiệp; phát triển kỹ năng làm việc độc lập,

			làm việc nhóm, tư duy phản biện, tự học và tác phong làm việc chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của môi trường làm việc thực tế.
43	Kế toán hộ kinh doanh cá thể	2	Học phần **Kế toán hộ kinh doanh cá thể** cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tổ chức công tác kế toán và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với hộ kinh doanh cá thể theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Nội dung học phần bao gồm cơ sở pháp lý về hộ kinh doanh; chế độ kế toán áp dụng cho hộ kinh doanh; hệ thống chứng từ, sổ kế toán và hóa đơn; phương pháp xác định doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh; kê khai, nộp và quản lý các loại thuế chủ yếu; xử lý các tình huống thực tiễn trong công tác kế toán và thuế đối với hộ kinh doanh. Bên cạnh việc trang bị kiến thức chuyên môn, học phần chú trọng rèn luyện kỹ năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán, tính và kê khai thuế, sử dụng các công cụ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ tra cứu văn bản pháp luật, kiểm tra chứng từ, phân tích dữ liệu và xử lý nghiệp vụ kế toán. Đồng thời, học phần góp phần hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và khả năng thích ứng với quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán và thuế.
44	Thẩm định tài chính dự án	3	Học phần Thẩm định tài chính dự án trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thẩm định hiệu quả tài chính của dự án đầu tư. Phần nền tảng giới thiệu tổng quan về dự án đầu tư và thẩm định dự án, giá trị theo thời gian của tiền, mối quan hệ lợi nhuận – rủi ro trong đầu tư. Phần trọng tâm đi sâu vào thẩm định tài chính dự án: các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính (NPV, IRR, B/C, PP, BEP), thẩm định vốn đầu tư, thẩm định dòng tiền, thẩm định tỷ suất chiết khấu và phân tích rủi ro của dự án (độ nhạy, tình huống, mô phỏng), có lồng ghép các yếu tố phát triển bền vững (môi trường – xã hội – quản trị). Người học thực hành trên Excel để xây dựng bảng tính tài chính có liên kết và sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ tra cứu, xử lý dữ liệu và soạn thảo báo cáo thẩm định; đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, bảo vệ kết luận đầu tư và thái độ chủ động, trung thực, trách nhiệm trong nghề nghiệp.

45	Nghiệp vụ thuế doanh nghiệp	3	Học phần Nghiệp vụ thuế doanh nghiệp được cấu trúc theo ba cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành toàn diện kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người học trong lĩnh vực thuế và kế toán thuế. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết nền tảng về hệ thống pháp luật thuế tại Việt Nam, bao gồm bản chất, vai trò của thuế, các nguyên tắc và quy định hiện hành đối với các sắc thuế chủ yếu như Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thuế TNCN và các loại thuế khác. Sinh viên nắm vững căn cứ tính thuế, phương pháp xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với Ngân sách Nhà nước. Ở cấp độ này, sinh viên sử dụng công nghệ số và các công cụ thông minh để tra cứu, cập nhật nhanh chóng các văn bản pháp luật, thông tư, nghị định mới của cơ quan thuế. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên vận dụng thành thạo các quy định pháp luật thuế vào việc tính toán, lập tờ khai và quyết toán thuế thực tế. Nội dung đi sâu vào kỹ thuật xử lý hóa đơn điện tử, xác định doanh thu, chi phí được trừ và không được trừ khi tính thuế TNDN, khấu trừ thuế GTGT và lập các tờ khai trên phần mềm hỗ trợ kê khai. Đồng thời, sinh viên thực hành định khoản chính xác các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến thuế vào hệ thống kế toán doanh nghiệp. Sinh viên biết khai thác trí tuệ nhân tạo (AI) làm trợ lý để giải thích các tình huống vướng mắc về thuế, kiểm tra logic số liệu và hỗ trợ tối ưu hóa nội dung bài thảo luận nhóm. Ở cấp độ mở rộng, học phần giúp sinh viên nâng cao tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề trong thực tiễn công tác kế toán - thuế tại doanh nghiệp. Sinh viên biết nhận diện các rủi ro pháp lý về thuế, tối ưu nghĩa vụ thuế hợp pháp cho doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ, AI để phân tích dữ liệu thuế, dự báo rủi ro sai sót trong quá trình kê khai và lập báo cáo.
46	Phân tích báo cáo tài chính	2	Học phần cung cấp kiến thức về phương pháp và nội dung phân tích báo cáo tài chính: phân tích cấu trúc tài chính; phân tích tình hình công nợ, tình hình thanh toán và khả năng

			thanh toán; phân tích kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ; phân tích hiệu quả kinh doanh và đòn bẩy tài chính; phân tích rủi ro tài chính và dự báo các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính.
47	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2	Học phần **Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội** cung cấp cho sinh viên ngành Kế toán kiến thức và kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ bảo hiểm xã hội trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về hệ thống bảo hiểm xã hội; đối tượng tham gia; căn cứ và mức đóng; các chế độ bảo hiểm xã hội; quy trình quản lý hồ sơ người lao động; giao dịch bảo hiểm xã hội điện tử và quản lý dữ liệu phục vụ công tác kế toán, tiền lương và quản trị nhân sự. Học phần được thiết kế theo định hướng thực hành, kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết với thực hành trên **phần mềm MISA AMIS BHXH.** Sinh viên được hướng dẫn thực hiện toàn bộ quy trình nghiệp vụ từ khai báo thông tin doanh nghiệp, quản lý hồ sơ người lao động, báo tăng, báo giảm, điều chỉnh thông tin, lập hồ sơ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, theo dõi trạng thái xử lý hồ sơ đến khai thác báo cáo và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tế doanh nghiệp. Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích ứng dụng các công cụ AI để hỗ trợ tra cứu quy định pháp luật, phân tích tình huống, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và phát hiện sai sót trong quá trình kê khai. Qua đó, học phần góp phần phát triển năng lực chuyên môn, năng lực số, kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên ngành và khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại trong lĩnh vực kế toán và quản trị nhân sự.
48	Thị trường chứng khoán	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm, đặc điểm và phân loại các loại chứng khoán chủ yếu như cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ; cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; các chủ thể tham gia thị trường; hoạt động giao dịch chứng khoán; đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; vai

			trò của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX), các Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC). Học phần giúp sinh viên hình thành kiến thức nền tảng về thị trường chứng khoán, làm cơ sở vận dụng trong học tập và thực hiện các nghiệp vụ kế toán có liên quan đến chứng khoán và hoạt động trên thị trường tài chính.
49	Tài chính quốc tế	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính quốc tế: sự hình thành và phát triển của tài chính quốc tế, vai trò của tài chính quốc tế với nền kinh tế quốc gia; cung cấp những kiến thức cơ bản về tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế, nguyên tắc lập cán cân thanh toán, các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế, từ đó sinh viên có thể nắm bắt thời cơ kinh doanh khi có sự biến động của tỷ giá, đề xuất các biện pháp điều chỉnh tỷ giá và các chính sách tỷ giá phù hợp với quốc gia trong từng thời kỳ; cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối, từ đó sinh viên có thể tham gia các nghiệp vụ để hạn chế rủi ro tỷ giá và kiếm lời trên thị trường, cung cấp các kiến thức cơ bản về đầu tư quốc tế, tài chính công ty đa quốc gia và các tổ chức tài chính quốc tế.
50	Khóa luận tốt nghiệp	10	Học phần Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên hệ thống hóa, củng cố và vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng đã tích lũy trong toàn bộ chương trình đào tạo để thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học độc lập trong lĩnh vực kế toán. Thông qua việc khảo sát, thu thập và phân tích thông tin, số liệu tại doanh nghiệp hoặc đơn vị nghiên cứu, sinh viên vận dụng kiến thức chuyên môn để nhận diện, đánh giá các vấn đề thực tiễn, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán, tài chính hoặc quản trị của đơn vị. Học phần trang bị và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, bao gồm xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng mục tiêu và phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu, tổng hợp kết quả và trình bày Khóa luận tốt nghiệp theo đúng chuẩn mực học thuật

			dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Sau khi hoàn thành khóa luận, sinh viên trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu trước Hội đồng bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp; trả lời các câu hỏi phản biện, bảo vệ các nội dung nghiên cứu và tiếp thu ý kiến của Hội đồng để hoàn thiện khóa luận theo quy định của Nhà trường.
51	Chuyên đề tốt nghiệp	4	Học phần Chuyên đề tốt nghiệp (CĐTN) giúp sinh viên tiếp cận, tham gia vào hoạt động thực tế của ngành kế toán nhằm thực hành kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp. Trên cơ sở kiến thức tổng hợp và các kỹ năng đã tích lũy được trong quá trình học tập, sinh viên vận dụng vào việc thực hành các nội dung liên quan đến lĩnh vực kế toán tại cơ sở thực tập. Sinh viên nêu rõ được thực trạng các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kế toán, từ đó đưa ra được những quan điểm, giải pháp cải thiện các tồn tại ở cơ sở thực tập. Học phần cung cấp kiến thức thực hành các bước nghiên cứu từ thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu theo phương pháp khoa học và viết Báo cáo Chuyên đề tốt nghiệp, dưới sự hướng dẫn định kỳ của giảng viên hướng dẫn (GVHD) và được đánh giá bởi GVHD cùng giảng viên phản biện (GVPB).
52	Kế toán công ty	3	Học phần Kế toán công ty trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm pháp lý của các loại hình công ty, tổ chức công tác kế toán, chế độ kế toán áp dụng trong doanh nghiệp và hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, báo cáo tài chính theo quy định hiện hành. Học phần giúp sinh viên vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trong suốt vòng đời của công ty, bao gồm kế toán thành lập doanh nghiệp, góp vốn, biến động vốn góp, phân phối lợi nhuận, phát hành và thanh toán trái phiếu, chuyển đổi loại hình, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các phần mềm kế toán trong xử lý nghiệp vụ, phân tích dữ liệu, lập báo cáo tài chính

			và hỗ trợ ra quyết định. Học phần cũng góp phần phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện, tự học và khả năng thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, đáp ứng nhu cầu nhân lực kế toán tại các loại hình doanh nghiệp.
53	Kế toán ngân hàng thương mại	3	Học phần Kế toán Ngân hàng Thương mại trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng thương mại; hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và các nguyên tắc, phương pháp kế toán áp dụng trong hoạt động ngân hàng. Sinh viên được học và thực hành quy trình hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu như huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, thu nhập, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán vốn chủ sở hữu và lập báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại. Học phần đồng thời phát triển kỹ năng kiểm tra chứng từ, định khoản, ghi sổ, xử lý, tổng hợp và phân tích thông tin kế toán phục vụ công tác quản trị, kiểm soát rủi ro và hỗ trợ ra quyết định trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, sinh viên được khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các phần mềm kế toán - ngân hàng trong xử lý nghiệp vụ, phân tích dữ liệu và lập báo cáo tài chính, góp phần nâng cao năng lực thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.
54	Giáo dục thể chất	3	Góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật biết tập luyện các môn thể thao để có thể chất khoẻ mạnh, đáp ứng được yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp, phục vụ tốt cho mục tiêu lao động và sản xuất trong thực tế.
55	Giáo dục quốc phòng - an ninh	11	Trang bị những vấn đề về tư duy, lý luận trong đường lối quân sự của Đảng, những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về đường lối quân sự Việt Nam, về diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam. Thực hành rèn luyện một số kỹ năng cần thiết, rèn luyện tác phong nếp sống có kỷ luật, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện của nhà trường.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;
- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";
- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;
- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;
- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 10 tháng 8 năm 2026

DUYỆT	
HIỆU TRƯỞNG	**P. TRƯỞNG KHOA**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	
PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương	**PGS.TS. Lê Trọng Hùng**